TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/ 2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v: Yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa bà Ng và ông Ch

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 4, khu 10B, phường QH, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt có lý do)

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1962; nơi cư trú: Xóm 23, xã HA, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt lần hai không lý do).

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 23, xã HA, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt lần hai không lý do).

2. Ông Vũ Văn G, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 23, xã HĐ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt có lý do).

3. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số nhà 43, tổ 39, khu Đông Tiến 1, phường CĐ, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt lần hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng đề ngày 18 tháng 5 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Vũ Thị Ng trình bày:*

Bà Ng và ông Phạm Văn Ch được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và Ch sống với nhau từ tháng 01 năm 1990. Quá trình Ch sống hai bên có 01 con Ch nhưng do bất đồng quan điểm nên đã không còn Ch sống từ năm 1999 cho đến nay. Do xác định không thể hàn gắn được vì vậy năm 2022 bà Ng có đến Ủy ban nhân dân xã HA xin Trích lục kết hôn để hoàn thiện thủ tục ly hôn tại Tòa án thì được biết bà Ng và ông Ch không có tên trong sổ đăng ký kết hôn của xã HA, hiện nay không có giấy tờ gì chứng minh bà Ng và ông Ch có đăng ký kết hôn với nhau. Bà Ng cho biết trước đây hai bên gia đình giới thiệu cho bà Ng và ông Ch quen nhau thì hai bên không đến Ủy ban nhân dân xã HA để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ được nghe gia đình ông Ch có nhờ người quen đến Ủy ban nhân dân xã HA làm thủ tục kê khai đăng ký kết hôn giúp ông bà rồi vì hiểu biết pháp luật có hạn nên bà đã tin tưởng là ông bà đã có kê khai đăng ký kết hôn, nhưng bà Ng cũng không biết người đó là ai. Sau đó bà Ng chưa bao giờ hỏi lại về việc này hay yêu cầu phải có Giấy đăng ký kết hôn. Nay xác định ông bà không thể hàn gắn, hiện tại bà Ng cũng không có nguyện vọng đăng ký kết hôn với ông Ch, vậy nên bà Ng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà Vũ Thị Ng và ông Phạm Văn Ch.

Về con Ch: Quá trình Ch sống ông bà có 01 con Ch là chị Phạm Thị H, sinh ngày 14/3/1991. Hiện nay con Ch đã trưởng thành, lao động tự lập được nên bà Ng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản Ch và nghĩa vụ Ch về tài sản: Không có tài sản Ch, nghĩa vụ Ch về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Ch,* con gái ông Ch, bà Ng là chị Phạm Thị H hiện đang ở cùng ông Ch đã nhận thay và đã cam kết giao tận tay ông Ch các văn bản tố tụng của Tòa án.

Chị H cho biết, chị là con Ch của bà Vũ Thị Ng và ông Phạm Văn Ch; ông Ch, bà Ng Ch sống với nhau và sinh ra chị H ngày 14/3/1991. Bà Ng, ông Ch có đăng ký kết hôn với nhau không thì chị H không được biết. Vì bố mẹ chị thường

xuyên cãi vã nên đã không còn Ch sống với nhau từ năm 1999 cho đến nay. Vào tháng 5 năm 2022, ông Ch bị ốm nặng nên chị H đã đón ra sống cùng chị để tiện chăm sóc, ông Ch vẫn đăng ký Hộ khẩu thường trú tại: Xóm 23, xã HA, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Nay bà Ng có đơn đề nghị yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa bà Ng và ông Ch do ông Ch hiện nay sức khỏe yếu, đi lại khó khăn nên chị H nhận thay ông Ch các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao tận tay cho bố. Thông qua chị H, ông Ch có ý kiến là ông Ch, bà Ng không còn Ch sống với nhau từ lâu, tình cảm không còn, hiện nay cũng không có ý định đăng ký kết hôn với bà Ng nên hoàn toàn nhất trí với quan điểm khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông Ch không đến Tòa làm việc, không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001: Chấp nhận yêu cầu không công nhận là vợ chồng giữa bà Vũ Thị Ng và ông Phạm Văn Ch; Về con Ch, tài sản Ch và nghĩa vụ Ch về tài sản: Không xem xét giải quyết; Về án phí: Bà Ng là nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Ng, ông G vắng mặt có lý do; ông Ch, ông T, chị H vắng mặt lần hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Vũ Thị Ng, ông Vũ Văn Giáp vắng mặt theo ý kiến xin vắng mặt; ông Phạm Văn Ch, ông Phạm Văn T, chị Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Qua xác minh tại địa phương thì thấy bà Vũ Thị Ng, ông Phạm Văn Ch có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1990, sau đó Ch sống với nhau đến năm 1999 như lời khai nhận của bà Ng là sự việc có thật.

Về căn cứ pháp lý chứng minh cho việc bà Ng, ông Ch có đăng ký kết hôn hay không: Qua xác minh tại UBND xã HA thì thấy, tại các sổ sách lưu trữ tại xã không thể hiện việc bà Ng, ông Ch có đăng ký kết hôn với nhau. Bà Ng khai nhận, bà và ông Ch không đến Ủy ban nhân dân xã HA để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ được nghe nói gia đình ông Ch có nhờ người đến Ủy ban làm thủ tục đăng ký kết hôn giúp nhưng bà Ng cũng không biết người đó là ai, cũng chưa bao giờ được nhìn thấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của bà và ông Ch. Anh trai của ông Ch là ông T và trưởng xóm 23, xã HA khai nhận thống nhất: Do ông Ch và bà Ng theo Thiên chúa giáo, có làm lễ cưới theo phong tục địa phương theo nghi thức tôn giáo. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật, thì từ năm 2004 khi có Pháp lệnh số 21/2004/PL-UBTVQH11 ngày 18/6/2004 về Tín ngưỡng, tôn giáo thì việc các Linh mục làm lễ hôn phối cho con dân yêu cầu có Giấy đăng ký kết hôn mới là yêu cầu bắt buộc, giai đoạn từ 2004 về trước không có quy định gì về vấn đề này nên ông không nhớ giữa bà Ng và ông Ch có giấy tờ đăng ký kết hôn không.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Ng, ông Ch đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng trong quá trình Ch sống ông bà đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn đúng trình tự thủ tục và không có giấy tờ chứng minh đã kết hôn, đến nay tình cảm không còn, không mong muốn đăng ký kết hôn. Bà Ng đề nghị Tòa án yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Ch; thông qua con gái là chị H, ông Ch nhất trí và không có ý kiến gì khác.Theo quy định tại điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; Thông tư liên tịch số 01/2001/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001: "*... nam nữ Ch sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*" nên yêu cầu của bà Ng là có sở chấp nhận.

[3] Về con Ch, về tài sản Ch, nghĩa vụ Ch về tài sản: Bà Vũ Thị Ng và ông Phạm Văn Ch không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị Ng là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Ng.

Không công nhận bà Vũ Thị Ng và ông Phạm Văn Ch là vợ chồng.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Bà Vũ Thị Ng phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006184 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Vũ Thị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS h.Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã HA: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng